

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 28 – 6 – 2024
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Vinh.
- Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1960.

Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1987.

Ông **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Anh **Trần Thanh P** có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và anh **Trần Thanh H** vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Trần Thanh P** trình bày:*

Ngày 01/5/2017, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** có vay của anh **Trần Thanh P** số tiền gốc là 20.350.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay theo quy định pháp luật là 20%/năm (1,66%/tháng), trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc cụ thể. Khi nào anh **P** có nhu cầu lấy lại tiền gốc thì bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc cho anh **P**, mục đích vay để làm ăn. Bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** có viết biên nhận vay ngày 01/9/2017. Việc thỏa thuận trả lãi hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản.

Đến nay, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** đã trả cho anh **Trần Thanh P** được 17.950.000 đồng (Mười bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Còn nợ lại số tiền gốc là 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Nay anh **Trần Thanh P** yêu cầu Tòa án buộc bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** có trách nhiệm liên đới trả cho anh **P** số tiền vay gốc là 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng). Không yêu cầu bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** trả lãi theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của anh **Trần Thanh P** (Bản photo); Biên nhận ngày 01/5/2017 (Bản photo); Chứng minh nhân dân của bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** (Bản photo); Sổ hộ khẩu (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2022 của anh **Trần Thanh P** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** cư trú tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh

Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Trần Thanh P** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **P**, bà **L**, anh **T** và ông **H** là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh P**.

Xét thấy, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** hiện nay còn nợ số tiền gốc là 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tại biên nhận ngày 01/5/2017 không thể hiện mức lãi suất vay cụ thể, việc thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, với mức lãi suất 1,66%/tháng, trả lãi hàng tháng, kể từ ngày 01/5/2017. Đến nay bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với anh **Trần Thanh P**. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh P** nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Do đó, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải có trách nhiệm trả nợ cho anh **P** theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh P**, buộc bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** trả cho anh **Trần Thanh P** số tiền vay gốc còn nợ 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Anh **Trần Thanh P** không yêu cầu bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải trả lãi theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích đã nêu trên, bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải có trách nhiệm trả cho anh **P** tiền vay gốc còn lại là 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh P**, nên anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Bà **Võ Thị L** được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh P.**

Buộc anh bà **Võ Thị L**, anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** có trách nhiệm liên đới trả cho anh **Trần Thanh P** số tiền nợ gốc là 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh **Võ Văn T** và ông **Huỳnh Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Do bà **Võ Thị L** là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên bà **Võ Thị L** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trả cho anh **Trần Thanh P** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh T1